

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST

Ngày: 04/10/2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiều.
2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: số , đường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, thành phố Hà N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Ái H, địa chỉ: Số , đường Trần Hưng Đ, phường , thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T - theo văn bản ủy quyền số: 438/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09/6/2016 (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Tăng Văn D (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Phước A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Phước A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T;

- Bà Võ Thị Tuyết L (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phước A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Lâm Ái H, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16 tháng 8 năm 2016 ông Tăng Văn D có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Hợp đồng tín dụng số 1057/2016-HĐTDHM/NHCT822 vay số tiền là 500.000.000 đồng; Phương thức cho vay hạn mức; thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày 16/8/2016 đến ngày 15/8/2017; mục đích vay vốn kinh doanh lúa gạo; Lãi suất cho vay 9%/năm; Lãi suất quá hạn 50% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay ông D thanh toán tiền gốc (02 Lần) là 54.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/8/2016 đến ngày 16/7/2017 số tiền 14.369.444 đồng. Ông D không thực hiện theo đúng hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử các bộ trực tiếp gặp ông D để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay số nợ đã quá hạn mà ông D không chịu trả. Nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 04/10/2018) còn lại là: Nợ gốc 446.000.000 đồng; Lãi trong hạn 49.026.166 đồng; Lãi quá hạn 22.297.500 đồng. Tổng cộng 517.323.666 đồng.

Tài sản bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp số: 32 ngày 26/2/2016 và số 181 ngày 15/8/2016:

- Quyền sử dụng đất số BC 546070 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 22/11/2012 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất số BX 224745 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 17/4/2015 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 517.323.666 đồng, trong đó tiền gốc 446.000.000 đồng; tiền lãi Lãi trong hạn 49.026.166 đồng; Lãi quá hạn 22.297.500 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Tăng Văn D không có khả năng trả nợ. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 546070 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 22/11/2012 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 224745 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 17/4/2015 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H, để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn

và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết L trình bày:

Năm 2010 ông D, bà H cố đất cho bà L phần đất bà L trồng mía, tọa lạc ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, giá là 25.000.000 đồng, thời hạn cố 03 năm. Đến năm 2013 cố thêm 20 chi vàng 24K, thời hạn cố 03 năm nhưng bà L xin làm thêm 01 năm, nếu ông D và bà H không có tiền chuộc lại thì bà L tiếp tục làm, hiện nay phần đất này bà Lan đã thu hoạch mía xong, chưa tới vụ trồng mía lại, còn đất trống. Bà L không có yêu cầu độc lập trong vụ án Ngân hàng khởi kiện ông D, bà H, nhưng nếu ai lấy lại đất thì phải trả tiền và vàng lại cho bà L.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên bà H, liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi. Buộc bà Võ Thị Tuyết L giao trả lại phần đất đang sử dụng mà vợ chồng ông D và bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần C ký hợp đồng tín dụng, cho ông D và bà H vay tiền với mục đích kinh doanh lúa gạo. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà H trả nợ không đúng như thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H cùng liên đới trả số tiền vay vốn và lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ ấp Phước, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C về việc yêu cầu bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, liên đới trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/10/2018) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 1 và Điều 3 của hợp đồng tín dụng số: 1057/2016-HĐTDHM/NHCT822 ngày 16/8/2016 thì thời hạn cho vay là 12 tháng, bên vay có nghĩa vụ thanh toán lãi vào ngày 15 hàng tháng (bao gồm lãi vay trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả). Trong quá trình vay bị đơn thanh toán tiền gốc 54.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến ngày 16/7/2017 số tiền lãi là 14.369.444 đồng. Từ ngày 17/7/2017 đến nay bị đơn không thực hiện đúng theo thỏa thuận, bị đơn đã vi phạm hợp đồng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ gốc và lãi.

[5] Theo án lệ số 08/2016AL về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách*

hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005 và án lệ số 08/2016AL, có đủ cơ sở để buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/10/2018) số tiền tổng cộng là 517.323.666 đồng. Trong đó, tiền gốc 446.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 49.026.166 đồng; Lãi quá hạn 22.297.500 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/10/2018), Ông D và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1057/2016- HĐTDHM/NHCT822 ngày 16/8/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp số: 32 ngày 26/2/2016 và hợp đồng thế chấp số 181 ngày 15/8/2016. Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông D và bà H có thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 546070 diện tích: 2.046m², tọa lạc tại ấp Phước, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 22/11/2012 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 224745 diện tích: 16.244m², tọa lạc tại ấp Phước, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 17/4/2015 cho ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H, hợp đồng thế chấp về hình thức và nội dung tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 342, 343, 355, 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Đối với phần đất bà L đang sử dụng trồng mía tại thửa số 93, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp Phước, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Xét thấy, Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bị đơn. Ngày 17 tháng 7 năm 2018 Tòa án thông báo cho bà L biết để yêu cầu độc lập và tại biên bản không tiến hành lấy lời khai được ngày 17 tháng 7 năm 2018 bà L không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai, do bà L không cung cấp được lời khai cho Tòa án để bà L suy nghĩ lại, trong

thời hạn 10 ngày nếu bà không có đơn yêu cầu độc lập thì coi như bà L không có yêu cầu, hết thời hạn theo quy định do bà L không có yêu cầu nên Tòa án không có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng cần buộc bà L giao trả lại phần đất bà L hiện đang sử dụng trồng mía mà ông D và bà H đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông D và bà H liên đới phải chịu là 24.692.947 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần C không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[11] Về chi phí tố tụng: Ông D và bà H liên đới phải chịu 1.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 201; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Án lệ số 08/2016AL được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Buộc bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền vay tổng cộng 517.323.666 đồng, (trong đó, tiền gốc 446.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 49.026.166 đồng; Lãi quá hạn 22.297.500 đồng).

2. Kể từ ngày 05/10/2018 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn thì hàng tháng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 1057/2016-HĐTDHM/NHCT822 ngày 16/8/2016, đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Đến hạn thanh toán bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 546070; thửa số 590, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.046m², tọa lạc ấp Phước, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cùng ngày 22/11/2012 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 224745; thửa số 93, tờ bản đồ số 8, diện tích 16.244m², tọa lạc ấp Phước, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cùng ngày 17/4/2015 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H, để thu hồi nợ.

4. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết L giao trả lại phần đất đang sử dụng (trồng mía) mà vợ chồng ông Tăng Văn D và bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi Ngân hàng có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H liên đới phải chịu là 24.692.947 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.740.913 đồng, theo biên lai số 0000004 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới phải chịu chi phí tố tụng là 1.800.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước (02 lần) số tiền 1.800.000 đồng, theo phiếu thu ngày 18 tháng 5 năm 2018 và phiếu thu ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Tăng Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền 1.800.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 .

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh